

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/7/2017.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Công Minh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thạch Thị Sà Phải**

2. Ông **Huỳnh Quốc Khởi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Qual** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2017, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Chanh T**, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 471, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Võ Phước Đ**, sinh năm 1989, địa chỉ: số 82 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N**, địa chỉ: số 114, đường C, phường 12, quận T, thành phố H (Người đại diện hợp pháp vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Thạch Thị Chanh T lập ngày 09/01/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn Thạch Thị Chanh T trình bày như sau: Vào năm 2012 bà và ông Võ Phước Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 07 năm 2012. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng bà đi làm thuê nhưng được một thời gian ông Đ kêu bà về Sóc Trăng lo chăm sóc con để ông Đ ở Thành phố H làm việc và sẽ gửi tiền về nuôi mẹ con bà nhưng chờ mãi không thấy ông Đ gửi tiền về, bà T qua nhà cha mẹ ông Đ hỏi thì được biết ông Đ cũng đã về Sóc Trăng và đang ở với người con gái khác ở nhà cha mẹ ruột ông Đ cho nên bà xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hai bên không còn tin tưởng lẫn nhau cho dù vợ chồng bà đã nhiều lần hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được và vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Bà và ông Võ Phước Đ có một người con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012, hiện cháu Đ đang chung sống với bà. Về tài sản chung thì trong thời gian chung sống bà và ông Đ không có tạo lập được tài sản chung.

Về nợ chung: Do ông Đ ham chơi, cờ bạc có thiếu nợ người ta nên ông Đ có kêu bà đi vay tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền vốn là 30.000.000 đồng (vay trước khi ly thân), mỗi tháng phải trả góp số tiền 1.617.000 đồng, góp trả trong vòng 36 tháng, bà T và ông Đ trả được 03 tháng (tháng 07, 8 và tháng 9 năm 2016) với số tiền là 4.851.000 đồng, hiện nay còn thiếu nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N 33 tháng với số tiền là 1.617.000 đồng X 33 tháng = 53.361.000 đồng.

Nay bà Thạch Thị Chanh T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Phước Đ; Về con chung bà Thạch Thị Chanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 đến thành niên và yêu cầu ông Võ Phước Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà Thạch Thị Chanh T và ông Võ Phước Đ còn thiếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền nợ vay là 53.361.000 đồng, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Phước Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Công ty, vì ông Đ là người sử dụng toàn bộ số tiền vay để sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân của ông Đ nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả số nợ trên với bà.

* Đối với bị đơn ông Võ Phước Đ trình bày tại biên bản lấy khai ngày 04/4/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà Thạch Thị Chanh T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, còn đối với số nợ mà bà T trình bày thì ông không biết theo ông đó là nợ riêng của bà T nên ông không có trách nhiệm nhưng ông thừa nhận khi bà T vay tiền về có mua chiếc xe giao cho sử dụng và hiện nay ông đã bán chiếc xe mà bà T đã mua khi vay tiền. Qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông Đ có ý kiến như sau: Về hôn nhân ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T; Về con chung ông Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Võ Văn Đ đến trưởng thành và không yêu cầu T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ mà bà T trình bày thì ông cho rằng đây là số nợ bà T tự đi vay nên ông không đồng ý trả.

* Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập và cũng như không cử người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tách phần nợ chung thành vụ kiện khác vì Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tên của đương sự: Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định tên của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty tài chính V là chưa chính xác nay xác định lại là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N .

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Thạch Thị Chanh T:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Chanh T và ông Võ Phước Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp nhưng sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng hay cãi nhau với mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hai bên mất lòng tin vào nhau và cả hai đều thừa nhận đã ly thân từ đầu tháng 06 năm 2016 cho đến nay và kể từ thời gian đó hai người cũng không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn, nên yêu cầu ly hôn bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Đ cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân với nhau một thời gian, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn, khi còn sống chung hai người không quan tâm lẫn nhau. Như vậy hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại tòa hôm nay bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn T và bị đơn Đ là hợp lý.

[6] Về con chung: Bà T và ông Đ cùng thừa nhận có một đứa con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012, hiện cháu Đ đang chung sống với bà T. Tại tòa hôm nay bà T và ông Đ đều có nguyện vọng được nuôi cháu Đ. Xét thấy, từ ngày nguyên đơn và bị đơn ly thân cho đến nay cháu Đ sống với bà T do bà T trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho hai cháu và để đảm bảo quyền lợi, cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như môi trường sống khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

được nuôi con của bà T và giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng đến trưởng thành là hợp lý.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật và ông Đ đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu nêu trên. Do đó, căn cứ vào các điều 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử buộc ông Võ Phước Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 650.000 đồng/tháng, với phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 24/7/2017 đến khi cháu Võ Văn Điền đủ 18 tuổi.

[8] Tài sản chung: Bà Thạch Thị Chanh T và ông Võ Phước Đ cùng thừa nhận là không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà Thạch Thị Chanh T cho rằng còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N 53.361.000 đồng và yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm trả số nợ nêu trên nhưng ông Đ không thừa nhận số nợ nêu trên. Xét thấy mặc dù các đương sự trình bày là có nợ và yêu cầu giải quyết nhưng trong quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như có Công văn về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N thực hiện thủ tục tố tụng để yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trả nợ nhưng phía Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N không có ý kiến hay yêu cầu về số nợ nêu trên và cũng không cung cấp giấy tờ để chứng minh người đại diện hợp pháp để tham gia tố tụng tạo phiên tòa. Do đó, về số nợ chung Hội đồng xét xử tách thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu khởi kiện.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Thạch Thị Chanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Võ Phước Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[11]. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Thạch Thị Chanh T với bị đơn ông Võ Phước Đ.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Thạch Thị Chanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T và ông Đ là cháu Võ Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 đến khi thành niên (hiện nay cháu Đ sống chung với bà Thạch Thị Chanh T).

- Ông Võ Phước Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom Võ Văn Đ mà không ai được cản trở. Ông Võ Phước Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Võ Văn Đ của bà Thạch Thị Chanh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Võ Phước Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Võ Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012, mỗi tháng là 605.000 đồng (do bà Thạch Thị Chanh T là người nuôi dưỡng đại diện nhận), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/7/2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Chanh T và ông Võ Phước Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Tách yêu cầu giải quyết về nợ chung thành vụ kiện dân sự khác khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N có đơn yêu cầu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Chanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003600, ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Võ Phước Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện T;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lý Công Minh